

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày: 26/7/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI
Với Tnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa ông: **Ngô Trung Thực.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Thế Hùng.**

Nghề nghiệp: Giáo Viên.

2. Ông: **Trương Công Chự.**

Nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: Hà Đức Quang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa ông: Vũ Bá Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1962 tại: T, H. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Làng P, xã I, huyện CPr, tỉnh Gia Lai.

Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Huy Th (Đã chết) và bà: Phạm Thị Q (Đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con;

-Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

-Bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 22/01/2019. Bị cáo tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Cháu Vũ Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2008,

Trú tại: Làng P, xã I, huyện CPr, tỉnh G, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Vũ Thị Hồng N bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 và ông Vũ Đình X, sinh năm 1983 (Là bố mẹ của người bị hại), cùng trú tại: Làng P, xã I, huyện CPr, tỉnh G. Đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Những người làm chứng:

+ Vi Văn A, sinh năm 1992.

Trú tại: Làng P, xã I, huyện CPr, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Hà Văn M, sinh năm 1996.

Trú tại: Làng P, xã I, huyện CPr, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 17h00 ngày 18/01/2019, sau khi uống rượu xong Nguyễn Huy T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1 – 612.43 đi đến trước cổng nhà anh Vũ Đình X, thuộc làng P, xã I, huyện Chư Prông thì nhìn thấy cháu Vũ Thị Hồng N (sinh ngày 08/5/2008) là con của anh X đang chơi cùng bạn ở sân, lúc này T nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với cháu N nên T đã dựng xe mô tô ở ngoài cổng của nhà chị Nguyễn Thị L (bên cạnh nhà anh X) là em gái của T và đi vào nhà chị L để chờ cho bạn của N đi về hết thì T sẽ qua nhà anh X để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với N. Một lúc sau, các bạn của N đi về hết thì N đi vào nhà, lúc này T đi bộ từ nhà chị L sang nhà N, khi T vào đến phòng khách thì thấy N đang ngồi xem ti vi và quay lưng lại phía T, T đi đến dùng một tay bịt miệng N, một tay ôm ngang người N, kéo N đi lùi vào phòng ngủ và đẩy N nằm ngửa trên giường, T dùng hai chân của mình đè chặt hai chân của N, dùng tay phải bịt miệng N lại, tay trái cầm hai tay của N để xuống dưới lưng của N để N không vùng vẫy được, sau đó T dùng tay cởi quần của N và của T ra, lúc này dương vật của T đã cương cứng, T dùng tay cầm dương vật của mình và đưa vào âm hộ của N cọ qua cọ lại để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với N. Khi T đang dùng dương vật cọ qua cọ lại âm hộ của N được khoảng 02 phút thì chị Nguyễn Thị B là mẹ của N phát hiện và kêu lên thì T quay lại và nhìn thấy chị Bông, lúc này chị B chửi và nói “Thằng T, mày làm gì con tao rồi” đồng thời xông vào đánh T, sau đó T kéo quần lên, bỏ chạy rồi bỏ trốn đến ngày 22/01/2019 T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CPr đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Huy T khai nhận: Mục đích T bịt miệng Vũ Thị Hồng N, kéo N vào phòng ngủ, cởi quần N và cầm dương vật cọ qua cọ lại âm hộ của N là để giao cấu với N nhằm thỏa mãn nhu cầu dục vọng cá nhân, tuy nhiên khi T đang thực hiện hành vi dùng dương vật cọ sát vào âm hộ của N thì bị chị Nguyễn Thị B phát hiện, vì vậy mục đích quan hệ tình dục của T chưa đạt được.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 22/TD-TTPY ngày 25/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận các dấu vết xây sát, tổn thương trong và ngoài âm hộ; các dấu vết tổn thương trên cơ thể của Vũ Thị Hồng N như sau: Toàn thân không dấu vết thương tích; không dấu vết xây sát tổn thương trong và ngoài âm hộ; vùng hai môi lớn, hai môi bé không có vết trầy xước; màng trinh không trầy xước, không có vết rách, giãn nhẹ; hai vú bé không có vết trầy xước; kết quả xét nghiệm tinh dịch đồ ngày 21/01/2019 không tìm thấy tinh trùng; kết quả xét nghiệm HCG: âm tính; kết quả siêu âm phụ khoa ngày 21/01/2019: chưa thấy bất thường trên siêu âm phụ khoa. Trong tử

cung không có túi thai. Căn cứ Thông tư 20/2014/TT-BYT không có mục hướng dẫn xếp loại tỉ lệ thương tật tổn hại sức khỏe về xâm hại tình dục.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CPr đang tạm giữ các vật chứng của vụ án do gia đình bị hại và bị cáo giao nộp như sau:

+ 01 quần dài màu xanh (quần loại bộ đội) dài 93cm, rộng 34cm, phía trước đầu gối của quần bên trái bị rách 01 lỗ hình không xác định có diện tích (4 x 0,1)cm; 01 áo dài tay màu xám (loại áo sơ mi) dài 63cm, rộng 45cm. Đây là bộ quần áo Nguyễn Huy T mặc khi thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Vũ Thị Hồng N.

+ 01 quần dài vải màu nâu sẫm dài 78cm, rộng 42cm, mặt trong đai quần có các ký tự “Fashion Qvality”; 01 quần đùi màu đỏ nhạt có kích thước (34x23)cm, mặt trước ống quần bên trái có ký hiệu “X/CHAMEL; 01 áo trắng ngắn tay (đồng phục học sinh) có kích thước (66x38)cm. Đây là bộ quần áo khi N bị Nguyễn Huy T xâm hại tình dục vào ngày 18/01/2019.

Về phần dân sự:

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 21/6/2019 Nguyễn Huy T nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 1 tháng 5 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy T về tội: “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy T phạm tội: “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Huy T từ 08 năm tù đến 09 năm tù giam.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Vũ Thị Hồng N một khoản tổn thất về tinh thần tương đương với 10 lần mức lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng; bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, còn phải bồi thường tiếp số tiền 12.900.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại bà Trang Thị Thùy D có ý kiến: Bà nhất trí về phần tội danh, các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát buộc tội đối với bị cáo; Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là cháu Vũ Thị Hồng N một khoản tổn thất về tinh thần mà đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại yêu cầu theo quy định của pháp luật và như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là 10 lần mức lương cơ sở.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Pr, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi dùng vũ lực để thực hiện hành vi hiếp dâm đối với cháu N, mà bị cáo chỉ thừa nhận hành dùng dương vật cạy cạo vào âm hộ của bị hại N nhằm mục đích quan hệ tình dục, nhưng bị mẹ của bị hại N phát hiện chửi, đánh bị cáo nên bị cáo đã chạy trốn. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ như biên bản vụ việc (Bút lục 34, 35) biên bản kiểm tra dấu vết (Bút lục 36) và lời khai của người bị hại, lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Bị cáo T là người đã Tnh niên, có nhận thức pháp luật nhất định, bị cáo biết việc giao cấu với người khác trái ý muốn của họ là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì ham muốn dục vọng của bản thân, bị cáo không kiềm chế bản thân nên đã có hành vi hiếp dâm cháu N. Hơn nữa bị cáo biết rõ cháu N là trẻ em còn quá nhỏ chưa đủ 16 tuổi, là những khách thể đặc biệt được pháp luật và mọi người bảo vệ nghiêm ngặt, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, luân thường đạo lý để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu N.

Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu Tnh tội phạm của tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Người bị hại N khi bị xâm hại tình dục là 10 tuổi 08 tháng, 10 ngày tuổi; Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Việc làm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị hại, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của nạn nhân, gây bức xúc cho gia đình người bị hại và làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, việc bị cáo thực hiện hành vi hiếp dâm cháu N chưa đạt là ngoài ý muốn, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn Tnh vì đây là loại tội cấu Tnh về hình thức. Vì vậy cần phải có biện pháp giáo dục đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo không Tnh khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo một mực cho rằng cháu N đã đồng ý cho bị cáo quan hệ tình dục, nhưng lời khai của cháu N thể hiện bị cáo có hành vi dùng vũ lực với cháu N, vì vậy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Khi biết sự việc bị bại lộ thì bị cáo

đã đến Công an huyện Chư Prông để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả là 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Căn cứ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở Thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về dân sự:

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị B yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của bà B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự. Vì vậy căn cứ Điều 592 BLDS chấp nhận yêu cầu của bà B; buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại Vũ Thị Hồng N một khoản bù đắp tổn thất về tinh thần là 10 lần mức lương cơ sở, cụ thể là $1.490.000 \times 10 = 14.900.000$ đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002750 ngày 11/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CPR, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Cháu N là người chưa thành niên nên người đại diện hợp pháp của cháu N là bà B có quyền nhận thay.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CPR đang tạm giữ các vật chứng của vụ án do gia đình bị hại và bị cáo giao nộp như sau:

+ 01 quần dài màu xanh (quần loại bộ đội) dài 93cm, rộng 34cm, phía trước đầu gối của quần bên trái bị rách 01 lỗ hình không xác định có diện tích $(4 \times 0,1)$ cm; 01 áo dài tay màu xám (loại áo sơ mi) dài 63cm, rộng 45cm. Đây là bộ quần áo Nguyễn Huy T mặc khi thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Vũ Thị Hồng N.

+ 01 quần dài vải màu nâu sẫm dài 78cm, rộng 42cm, mặt trong đai quần có các ký tự “Fashion Quality”; 01 quần đùi màu đỏ nhạt có kích thước (34×23) cm, mặt trước ống quần bên trái có ký hiệu “X/CHAMEL; 01 áo trắng ngắn tay (đồng phục học sinh) có kích thước (66×38) cm. Đây là bộ quần áo khi N bị Nguyễn Huy T xâm hại tình dục vào ngày 18/01/2019.

Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại bộ quần áo; người đại diện hợp pháp của cháu N là bà B yêu cầu nhận lại bộ quần áo của cháu N; vì vậy cần áp dụng Điều 48 BLHS; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS xử:

-Tịch thu tiêu hủy 01 quần dài màu xanh (quần loại bộ đội) dài 93cm, rộng 34cm, phía trước đầu gối của quần bên trái bị rách 01 lỗ hình không xác định có diện tích $(4 \times 0,1)$ cm; 01 áo dài tay màu xám (loại áo sơ mi) dài 63cm, rộng 45cm.

-Trả lại cho người bị hại Vũ Thị Hồng N 01 quần dài vải màu nâu sẫm dài 78cm, rộng 42cm, mặt trong đai quần có các ký tự “Fashion Quality”; 01 quần đùi màu đỏ

nhật có kích thước (34x23)cm, mặt trước ống quần bên trái có ký hiệu “X/CHAMEL; 01 áo trắng ngắn tay (đồng phục học sinh) có kích thước (66x38)cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2019 giữa Công an huyện CPr và Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Huy T phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Huy T** phạm tội : “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Huy T 09 (Chín) năm tù**. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/01/2019.

Về dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, tuyên xử: Buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải bồi thường cho người bị hại là cháu Vũ Thị Hồng N một khoản bù đắp tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng. Đã nộp được 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002750 ngày 11/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Cháu N là người chưa thành niên nên người đại diện hợp pháp của cháu N là bà B có quyền nhận thay.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Hàng tháng người phải thi hành án dân sự mà chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 48 BLHS; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS xử:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài màu xanh (quần loại bộ đội) dài 93cm, rộng 34cm, phía trước đầu gối của quần bên trái bị rách 01 lỗ hình không xác định có diện (4 x 0,1)cm; 01 áo dài tay màu xám (loại áo sơ mi) dài 63cm, rộng 45cm.

-Trả lại cho người bị hại Vũ Thị Hồng N: 01 quần dài vải màu nâu sẫm dài 78cm, rộng 42cm, mặt trong đai quần có các ký tự “Fashion Quality”; 01 quần đùi màu đỏ nhật có kích thước (34x23)cm, mặt trước ống quần bên trái có ký hiệu “X/CHAMEL; 01 áo trắng ngắn tay (đồng phục học sinh) có kích thước (66x38)cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2019 giữa Công an huyện CPr và Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; Án phí dân sự bị cáo phải nộp 645.000 đồng. Tổng cộng hai khoản án phí là 845.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2019) bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai,
- VKSND huyện, tỉnh,
- Công an huyện,
- Chi cục THADS huyện,
- Thi hành án HS,
- Bị cáo, bị hại,
- Người đại diện HP của bị hại,
- Người bảo vệ QL cho bị hại,
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

(đã ký)

Trung Thực